TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hương và bà Trần Thị Thanh Thẩm

Thư ký ghi phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2018/TLST – HNGĐ ngày 05/9/2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1988 – có mặt

Trú tại: 35 Nguyễn T, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Trương Thành T, sinh năm 1986 – vắng mặt

Trú tại: Thôn 4, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị P trình bày:

Chị và anh Trương Thành T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/4/2015 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Từ đầu năm 2017 đến nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, nợ nần nên chị P cùng con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Tháng 8 năm 2018 chị P đã nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã E tổ chức hòa giải tuy nhiên anh T không hợp tác, không đến Ủy ban để tham gia hòa giải. Nay tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Thành T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị P và anh T có 01 con chung là Trương Thành Đ, sinh ngày 24/8/2016. Nguyện vọng của chị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị P khai không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tống đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Trương Thành T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không T hành lấy lời khai, mở phiên họp và hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị P. Chị P được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Trương Thành Đạt, sinh ngày 24/8/2016 cho chị Trần Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Trương Thành T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét

xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Trương Thành T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/4/2015 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh T bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2017. Nguyên nhân do anh T cờ bạc, nợ nần nên chị P bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định, từ đầu năm 2018 đến nay chị P và anh T không chung sống với nhau nữa, nếu anh T là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, chị P và anh T đều không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị P, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn Trần Thị P cho chị P ly hôn với anh T.

[4]. Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Trương Thành Đ, sinh ngày 24/8/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Do vậy, Tòa án không ghi được lời khai của anh T về nguyện vọng nuôi con. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung của các bên đều có khả năng chăm sóc và nuôi dạy con cái, tuy nhiên chị P có thời gian và điều kiện chăm sóc con tốt hơn; vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đạt cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi .

Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị P;

Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Trương Thành T.

Về con chung: Giao cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 24/8/2016 cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Anh Trương Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0006792 ngày 28/8/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM’gar;
- Chi cục Thi hành án dân sự CưM’gar;
- UBND xã E;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Hiền